

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 4 - 2018

“V/v xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Kim Nguyễn

2. Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2018 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Võ Hồng N** – sinh năm 1986 (có mặt)

Trú tại: Nhà không số, đường T, khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc T** - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Ấp D, xã B, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Võ Hồng N trình bày như sau:

Hôn nhân: Chị N với anh T tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không thương yêu chăm sóc vợ con, không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cãi nhau. Đến năm 2017 chị N với anh T không còn chung sống với nhau nữa, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 01 người tên Nguyễn Tiến T1 – sinh ngày 25/02/2015, hiện con đang chung sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 30/3/2018, anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc T thừa nhận lời trình bày trên của chị N là đúng, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, đồng ý giao con cho chị N nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng cấp dưỡng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Chị N với anh T tự nguyện kết hôn năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, thời gian chung sống đến năm 2014 giữa chị N với anh T có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cự cãi nhau mà không thể hàn gắn được. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, ngược lại tại bản tự khai ngày 30/3/2018 anh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung tên Nguyễn Tiến T1 – sinh ngày 25/02/2015, hiện con đang sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, tại bản tự khai ngày 30/3/2018 anh T đồng ý. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con cho chị N tiếp tục nuôi dạy.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, sau khi cha mẹ ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng do cha mẹ tự thỏa thuận. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 500.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 30/3/2018 anh T đồng ý. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị N phải chịu theo quy định. Án phí cấp dưỡng anh T phải chịu theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Anh T vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc T.

Áp dụng các 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Hồng N.

- Hôn nhân: Chị Võ Hồng N được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T.

- Con chung: Giao Nguyễn Tiến T1 – sinh ngày 25/02/2015, hiện đang sống với chị N, cho chị N tiếp tục nuôi dạy.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng số tiền 500.000đồng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Không xem xét.

- Nợ chung: Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 15/3/2018 chị N đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu tiền số 0000477 nên được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí cấp dưỡng anh T phải chịu 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.CM;
- Chi cục THADS tp.CM;
- UBND TT.NC, h.NC;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung

